

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**
Bản án số: **113/2023/HSST**
Ngày: 09/8/2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Quang Phúc**.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Cao Thị Kim Phương**
2/ Bà **Nguyễn Thị Thắm**
- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Việt Dũng** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Ngọc Mạnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 120/2023/HSST ngày 13 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần T, sinh năm 2000 tại Ninh Bình. CCCD số 0372 000 018 18 cấp ngày 22/8/2018; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn K, xã G, huyện GV, tỉnh Ninh Bình. Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Hữu H, sinh năm 1963 và bà Trần Thị S, sinh năm 1965 (đã chết); bị cáo là con út trong gia đình có 04 anh chị em; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất từ ngày 22/11/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Thị ND, sinh năm 1989

Địa chỉ: tổ 24, khu phố Trung Tâm, phường Suối Tre, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị Nguyễn TK, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp LH, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai

+ Chị Nguyễn Thị TT, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp AB, xã TH, huyện T, tỉnh Đồng Nai

+ Chị Châu Trần HU, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp HB, xã HT, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị Nguyễn Thị KH, sinh năm 1974

Địa chỉ: tổ 4, ấp 2, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai

+ Chị Lê Thị KT, sinh năm 1997

Địa chỉ: ấp QL, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai

(Bà Tr, bà R, bà S, bà L, bà T, bà L, bà T, bà Th, bà T và bà L vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua công tác quản lý, nắm tình hình, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất tiến hành kiểm tra hành chính Đinh Văn Th, sinh năm 2001, trú tại xã G, huyện Th, tỉnh Đồng Nai về hành vi Cho vay lãi nặng trên địa bàn huyện. Qua kiểm tra có Trần T cùng ở chung tại địa chỉ trên. Lo sợ hành vi phạm tội bị phát giác, Trần T đã đến Công an huyện Thống Nhất đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội.

Vào tháng 5 năm 2022, Trần T quen biết với một đối tượng có tên Lê Duy B (không rõ nhân thân, lai lịch cụ thể). Biết Lê Duy B đang tiến hành cho người dân cho vay lãi nặng theo ngày nên Trần T xin Lê Duy B cho cùng làm và được Bình đồng ý. Để phục vụ hành vi phạm tội, B cung cấp cho Trần T 01 tài khoản trên trang website có tên “Batdongsan90.bit” với tên đăng nhập là “Ongtuong”, mật khẩu là “123456”. Trong tài khoản này ghi rõ các thông tin người vay tiền như tên người vay, số điện thoại, số tiền cho vay, số tiền đóng hàng ngày, số tiền còn nợ để quản lý những người vay tiền. Mỗi khi có người vay tiền hay thu được tiền hàng ngày từ những người vay, Trần T có nhiệm vụ cập nhật thông tin chi tiết người vay tiền như trên để cho Lê Duy B biết, quản lý, đồng thời theo dõi. Trần T và Lê Duy B thỏa thuận, hàng ngày nếu có người vay tiền, T sẽ dùng điện thoại liên lạc với B để B chuyển khoản số tiền vay cho cho T. Mỗi ngày T đi tìm người cần vay tiền và thu tiền gốc và lãi hàng ngày thì được B trả công số tiền 100.000 đồng/ngày, nếu tìm được người vay tiền sẽ được B chia cho 5% hoa hồng trên tổng số tiền cho vay. Sau khoảng 3 đến 4 ngày, T sẽ tổng hợp số tiền lãi và gốc đã thu lại sau đó tự trừ số tiền công, tiền hoa hồng rồi chuyển khoản số tiền còn lại đến tài khoản số 26868288888 ở ngân hàng Á Châu của Lê Duy B.

Đối với tiền phí dịch vụ: Trước khi vay tiền, T và người vay sẽ thỏa thuận về việc thu tiền phí dịch vụ (tiền xăng, tiền công hàng ngày T đi thu tiền lãi và gốc, tiền điện thoại...) như sau: Đối với khoản vay mới, tiền phí dịch vụ T sẽ tính 10% trên tổng số tiền vay (đối với khoản vay 5.000.000đ T sẽ thu phí dịch vụ là 500.000đ, khoản vay 10.000.000đ tiền phí dịch vụ là 1.000.000đ; khoản

vay vay 20.000.000đ phí dịch vụ là 2.000.000đ). Đối với khoản vay đáo hạn, T sẽ tính tiền phí dịch vụ là 8% trên tổng số tiền vay đáo hạn. Ngoài ra, có một số người vay đóng tiền gốc và lãi hàng ngày đều và vay của T lâu dài T tính phí dịch vụ là 6% trên tổng số tiền vay.

Trần T sử dụng số điện thoại 0985.181.120 để hoạt động và coi đây là nguồn sống chính. T thuê nhà trọ tại ấp LH, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai để ở. Để tìm kiếm khách vay, T in tờ rơi với nội dung “cho vay tiền trả góp thủ tục nhanh gọn cần CCCD & Hộ khẩu,” và in số điện thoại 0985.181.120 và 0982.881.832 của T sau đó đi rải ở đường, chợ, khu vực đông dân cư ở khu vực các huyện Định Quán, Trảng Bom, Thống Nhất, Long Thành và TP. Long Khánh để người có nhu cầu vay tiền biết liên lạc để cho vay. Số tiền T cho vay từ 05 triệu đồng đến 20 triệu đồng, trả góp tiền gốc và lãi theo ngày trong vòng 20 ngày, 21 ngày, 22 ngày, 25 ngày. Những trường hợp “đáo hạn” tức muốn trả hết nợ trước thời hạn 20 ngày, 21 ngày, 25 ngày để vay tiếp lần mới thì người vay cũng phải trả đủ cả gốc và lãi của những ngày còn lại cho T thì mới được vay tiếp. Trường hợp không có tiền đóng góp cho những ngày còn lại mà vẫn muốn vay lần mới thì khi cho vay lần mới, trước khi đưa tiền, T sẽ lấy số tiền vay trừ đi số tiền cả gốc và lãi của lần trước còn nợ, rồi đưa số tiền còn lại cho người vay. Người vay tiền sẽ tiếp tục đóng lại từ đầu của lần vay mới theo thỏa thuận. Khi cho vay T không làm giấy tờ gì với người vay tiền, chỉ yêu cầu người vay cho biết nhà hoặc nơi làm việc, buôn bán, số điện thoại, chụp ảnh chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân. Sau đó, T thỏa thuận miệng với người vay số tiền vay và phương thức trả tiền gốc cùng lãi hàng ngày. Sau khi cho vay, khoảng 15 giờ đến 17 giờ chiều hàng ngày, T hẹn địa điểm để đến thu tiền đóng hàng ngày của người vay tiền. Ngoài ra, T còn sử dụng tài khoản ngân hàng MB mang tên T số tài khoản 161111820111 và tài khoản ngân hàng OCB số 0985181120 để thu tiền hàng ngày và lấy tiền cho vay từ Bình.

Hình thức cho vay như sau:

- Nếu cho vay góp số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) trong thời hạn 21 ngày, mỗi ngày T thu của người vay cả gốc và lãi số tiền là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Cho vay 5.000.000 đồng/21 ngày người vay phải trả số tiền là 6.300.000đ, T thu lãi số tiền là 1.300.000 đồng, lãi suất tương ứng là 1,23%/ngày, tương đương 451,90%/năm.

- Nếu cho vay góp số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) trong thời hạn 25 ngày, mỗi ngày T thu của người vay cả gốc và lãi số tiền là 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng). Cho vay 5.000.000 đồng/25 ngày người vay phải trả số tiền là 6.250.000đ, T thu lãi số tiền là 1.250.000 đồng, lãi suất tương ứng là 1%/ngày, tương đương 365%/năm.

- Nếu cho vay góp số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) trong thời hạn 21 ngày, mỗi ngày T thu của người vay cả gốc và lãi số tiền là 400.000đ (Bốn trăm ngàn đồng). Cho vay 7.000.000 đồng/21 ngày người vay phải trả số tiền là 8.400.000đ, T thu lãi số tiền là 1.400.000 đồng, lãi suất tương ứng là 0,95%/ngày, tương đương 347,62%/năm.

- Nếu cho vay góp số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) trong thời hạn 22 ngày, mỗi ngày T thu của người vay cả gốc và lãi số tiền là 400.000đ (Bốn trăm ngàn đồng). Cho vay 7.000.000 đồng/22 ngày người vay phải trả số tiền là 8.800.000đ, T thu lãi số tiền là 1.800.000 đồng, lãi suất tương ứng là 1,17%/ngày, tương đương 426,62%/năm.

- Nếu cho vay góp số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) trong thời hạn 25 ngày, mỗi ngày T thu của người vay cả gốc và lãi số tiền là 350.000đ (Ba trăm năm mươi ngàn đồng). Cho vay 7.000.000 đồng/25 ngày người vay phải trả số tiền là 8.750.000đ, T thu lãi số tiền là 1.750.000 đồng, lãi suất tương ứng là 1%/ngày, tương đương 365%/năm.

- Nếu cho vay góp số tiền 10.000.000đ (Năm triệu đồng) trong thời hạn 21 ngày, mỗi ngày T thu của người vay cả gốc và lãi số tiền là 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng). Cho vay 10.000.000 đồng/21 ngày người vay phải trả số tiền là 12.600.000đ, T thu lãi số tiền là 2.600.000 đồng, lãi suất tương ứng là 1,24%/ngày, tương đương 451,90%/năm.

- Nếu cho vay góp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) trong thời hạn 25 ngày, mỗi ngày T thu của người vay cả gốc và lãi số tiền là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng). Cho vay 10.000.000 đồng/21 ngày người vay phải trả số tiền là 12.500.000đ, T thu lãi số tiền là 2.500.000 đồng, lãi suất tương ứng là 1%/ngày, tương đương 365%/năm.

- Nếu cho vay góp số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) trong thời hạn 20 ngày, mỗi ngày T thu của người vay cả gốc và lãi số tiền là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng). Cho vay 20.000.000 đồng/20 ngày người vay phải trả số tiền là 24.000.000đ, T thu lãi số tiền là 4.000.000 đồng, lãi suất tương ứng là 1%/ngày, tương đương 365%/năm.

- Nếu cho vay góp số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) trong thời hạn 21 ngày, mỗi ngày T thu của người vay cả gốc và lãi số tiền là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng). Cho vay 20.000.000 đồng/21 ngày người vay phải trả số tiền là 25.200.000đ, T thu lãi số tiền là 5.200.000 đồng, lãi suất tương ứng là 1,24%/ngày, tương đương 451,90%/năm.

* Quá trình điều tra xác định từ tháng 05 năm 2022 đến ngày bị phát hiện (22/11/2022) Trần T đã cho 06 người người dân vay tiền theo hình thức trả góp cả gốc và lãi theo ngày với mức lãi suất từ 0,95%/ngày đến 1,24%/ngày, tương đương 347,62%/năm đến 451,9%/năm, cao gấp 17,38 lần đến 22,6 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Tổng số tiền T đã cho vay 409.000.000 đồng (Bốn trăm lẻ chín triệu đồng); Tổng số tiền gốc đã thu được: 378.246.905 đồng (Ba trăm bảy mươi tám triệu hai trăm bốn mươi sáu ngàn chín trăm lẻ năm đồng).

- Tổng số tiền lãi thu được: 91.528.095 đồng (Chín mươi một triệu năm trăm hai mươi tám ngàn không trăm chín mươi năm đồng); sau khi trừ đi số tiền lãi được phép trong mức dân sự là: 4.471.223 đồng thì số tiền lãi bất chính là 87.092.872 đồng; Tiền phí dịch vụ: 28.800.000 đồng (Hai mươi tám triệu tám

trăm ngàn đồng). Như vậy tổng số tiền Trần T thu lợi bất chính là: 115.856.872 đồng (Một trăm mười năm triệu tám trăm năm mươi sáu ngàn tám trăm bảy mươi hai đồng).

Cụ thể những người vay như sau:

Người vay thứ nhất: Lê Thị KT, sinh năm 1997, trú tại ấp QL, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai, vay của T 01 dây vay loại 10.000.000 đồng, kỳ hạn vay là 25 ngày, lãi suất 365%/năm.

Trang vay của Trần T 05 lần, Với tổng số tiền vay là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), Số tiền lãi T thu được là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm của khoản vay tương đương 684.930 đồng) số tiền lãi T thu lợi bất chính là: 11.815.070 đồng. Tiền phí dịch vụ mỗi lần 800.000 đồng, tổng cộng là 4.000.000 đồng. Tổng số tiền T thu nhập bất chính (số tiền thu lợi bất chính và tiền phí dịch vụ) là 15.815.070 đồng (Mười năm triệu tám trăm mười năm ngàn không trăm bảy mươi đồng).

Người vay thứ hai: Nguyễn Thị KH, sinh năm 1974, trú tổ 4, ấp 2, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Huyền vay của T 02 dây vay.

* Dây vay thứ nhất loại 5.000.000 đồng, kỳ hạn 21 ngày, lãi suất 451,9%/năm.

Vay của T 05 lần với tổng số tiền vay là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Số tiền lãi T thu được là 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm của khoản vay tương đương 287.670 đồng), thì số tiền lãi T thu bất chính là 6.212.330 đồng. T thu 400.000 đồng tiền phí dịch vụ mỗi lần, tổng cộng 2.000.000đ tiền phí dịch vụ.

* Dây vay thứ hai loại 7.000.000 đồng, kỳ hạn 21 ngày, lãi suất 347,62%/năm.

- Những khoản vay đã trả xong:

Vay của T 06 lần với tổng số tiền vay là 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng). Số tiền lãi T thu được là 8.400.000 đồng (Tám triệu bốn trăm ngàn đồng). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm của khoản vay tương đương 483.288 đồng), thì số tiền lãi T thu bất chính là 7.916.712 đồng. T thu 400.000 đồng tiền phí dịch vụ mỗi lần, tổng cộng 2.400.000 đồng tiền phí dịch vụ.

- Những khoản đang còn vay:

Vào ngày 08/10/2022 vay số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) trong thời hạn 21 ngày, mỗi ngày T thu của người vay cả gốc và lãi số tiền là 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng). Cho vay 7.000.000 đồng/21 ngày người vay phải trả số tiền là 8.400.000 đồng, T thu lãi số tiền là 1.400.000 đồng, phí dịch vụ 400.000 đồng. Huyền đã trả được 09 ngày tương ứng với số tiền 3.600.000 đồng (cả gốc và lãi), còn thiếu số tiền 4.800.000 đồng (cả gốc và lãi). Như vậy, đối với khoản vay này T đã thu được số tiền gốc là 3.000.000 đồng, số tiền lãi T thu

được là 600.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm của khoản vay tương đương 34.521 đồng), thì T thu lợi bất chính số tiền 565.479 đồng, T thu 400.000 đồng tiền phí dịch vụ.

Như vậy, Tổng số tiền Trần T cho Nguyễn Thị Kim Huyền vay là: 74.000.000 đồng, tiền lãi thu được là: 15.500.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm của khoản vay tương đương 805.479 đồng), Số tiền T thu lợi bất chính là: 14.694.521 đồng; Tiền phí dịch vụ là: 4.800.000 đồng. Tổng số tiền T thu nhập bất chính (số tiền thu lợi bất chính và tiền phí dịch vụ): 19.494.521 đồng (Mười chín triệu bốn trăm chín mươi bốn ngàn năm trăm hai mươi một đồng).

Người vay thứ ba: Châu Trần HU, sinh năm 1983, trú ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai vay của Trần T 02 dây vay:

* Dây vay thứ nhất loại 5.000.000 đồng, kỳ hạn 21 ngày, lãi suất 451,9%/năm:

* Những khoản vay đã trả xong:

Vay của T 5 lần với tổng số tiền vay là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Số tiền lãi T thu được là 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm của khoản vay tương đương 287.670 đồng), thì T thu lợi bất chính số tiền 6.212.330 đồng. T thu được tổng cộng 1.500.000 đồng tiền phí dịch vụ.

* Dây vay thứ hai loại 10.000.000 đồng, kỳ hạn 21 ngày, lãi suất 451,9%/năm:

- Những khoản vay đã trả xong:

Vay của T 12 lần với tổng số tiền vay là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng). Số tiền lãi T thu được là 31.200.000đ (Ba mươi một triệu hai trăm ngàn đồng). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/ năm của khoản vay tương đương 1.380.816đ), thì T thu lợi bất chính số tiền 29.819.184đ. T thu tổng cộng 7.400.000đ tiền phí dịch vụ.

- Những khoản đang còn vay:

Vào ngày 22/10/2022 vay số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) trong thời hạn 21 ngày, mỗi ngày T thu của người vay cả gốc và lãi số tiền là 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng). Cho vay 10.000.000 đồng/21 ngày người vay phải trả số tiền là 12.600.000đ, T thu lãi số tiền là 2.600.000 đồng, phí dịch vụ 600.000 đồng. Uyên đã trả được 08 ngày tương ứng với số tiền 4.800.000 đồng (cả gốc và lãi), còn thiếu số tiền 3.600.000 đồng (cả gốc và lãi). Như vậy, đối với khoản vay này T đã thu được số tiền gốc là 3.809.524 đồng, số tiền lãi T thu được là 990.476 đồng. Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm của khoản vay tương đương 43.836 đồng), thì T thu lợi bất chính số tiền 946.640 đồng. T thu 600.000 đồng tiền phí dịch vụ.

Như vậy, Tổng số tiền Trần T cho Châu Trần HU vay là: 155.000.000 đồng, tiền lãi thu được là: 38.690.476 đồng. Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm của khoản vay tương đương 1.712.322 đồng), Số tiền T thu lợi bất chính là: 36.978.154đ; Tiền phí dịch vụ là: 9.500.000 đồng. Tổng số tiền T thu nhập bất chính (số tiền thu lợi bất chính và tiền phí dịch vụ): 46.478.154 đồng (Bốn mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi tám ngàn một trăm năm mươi bốn đồng).

Người vay thứ tư: Nguyễn Thị TT, sinh năm 1978, trú ấp AB, xã TH, huyện T, Đồng Nai vay của T 02 đây vay:

* Đây vay thứ nhất loại 20.000.000 đồng, kỳ hạn 20 ngày, lãi suất 365%/năm.

- Những khoản vay đã trả xong:

Vay của T 2 lần với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Số tiền lãi T thu được là 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm của khoản vay tương đương 438.356đ), thì T thu lợi bất chính số tiền 7.561.644 đồng. T thu tiền phí dịch vụ 3.600.000 đồng.

- Những khoản đang còn vay:

Vào ngày 05/06/2022 vay số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) trong thời hạn 20 ngày, mỗi ngày T thu của người vay cả gốc và lãi số tiền là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm ngàn đồng). Cho vay 20.000.000 đồng/20 ngày người vay phải trả số tiền là 24.000.000 đồng, T thu lãi số tiền là 4.000.000 đồng, phí dịch vụ 2.000.000 đồng. Trang đã trả được 17 ngày tương ứng với số tiền 20.400.000 đồng (cả gốc và lãi), còn thiếu số tiền 3.600.000 (cả gốc và lãi). Như vậy, đối với khoản vay này T đã thu được số tiền gốc là 17.000.000 đồng, số tiền lãi T thu được là 3.400.000đ. Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm của khoản vay tương đương 186.301đ), thì T thu lợi bất chính số tiền 3.213.699 đồng. T thu 1.600.000 đồng tiền phí dịch vụ.

* Đây vay thứ hai loại 10.000.000 đồng, kỳ hạn 21 ngày, lãi suất 451,9%/năm.

- Những khoản vay đã trả xong:

Vay của T 01 lần với tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Số tiền lãi T thu được là 2.600.000 đồng (Năm triệu hai trăm ngàn đồng). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/ năm của khoản vay tương đương 115.068 đồng), thì T thu lợi bất chính số tiền 2.484.932 đồng. T thu 1.600.000 đồng tiền phí dịch vụ.

- Những khoản đang còn vay:

Vào ngày 01/06/2022 vay số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) trong thời hạn 21 ngày, mỗi ngày T thu của người vay cả gốc và lãi số tiền là 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng). Cho vay 10.000.000 đồng/21 ngày người vay phải trả số tiền là 12.600.000 đồng, T thu lãi số tiền là 2.600.000 đồng, phí dịch vụ 800.000 đồng. Trang đã trả được 19 ngày tương ứng với số tiền

11.400.000 đồng (cả gốc và lãi), còn thiếu số tiền 2.600.000 đồng (cả gốc và lãi). Như vậy, đối với khoản vay này T đã thu được số tiền gốc là 9.047.619 đồng, số tiền lãi thu được là 2.352.381 đồng, sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/ năm của khoản vay tương đương 104.110 đồng), thì T thu lợi bất chính số tiền 2.248.271 đồng. T thu 800.000 đồng tiền phí dịch vụ.

Vào ngày 04/06/2022 vay số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) trong thời hạn 21 ngày, mỗi ngày T thu của người vay cả gốc và lãi số tiền là 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng). Cho vay 10.000.000 đồng/21 ngày người vay phải trả số tiền là 12.600.000 đồng, T thu lãi số tiền là 2.600.000 đồng. Trang đã trả được 4 ngày tương ứng với số tiền 2.400.000 đồng (cả gốc và lãi), còn thiếu số tiền 10.200.000 (cả gốc và lãi). Như vậy, đối với khoản vay này T đã thu được số tiền gốc là 1.904.762 đồng, số tiền lãi thu được là 495.238 đồng, sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/ năm của khoản vay tương đương 21.918 đồng), thì T thu lợi bất chính số tiền 473.320 đồng. T thu 800.000 đồng tiền phí dịch vụ.

Như vậy, Tổng số tiền Trần T cho Nguyễn Thị TT vay là: 90.000.000 đồng, tiền lãi thu được là: 16.847.619 đồng. Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm của khoản vay tương đương 865.753 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là: 15.981.866 đồng; Tiền phí dịch vụ là: 7.600.000 đồng. Tổng số tiền T thu nhập bất chính (số tiền thu lợi bất chính và tiền phí dịch vụ): 23.581.866 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm tám mươi một ngàn tám trăm sáu mươi sáu đồng).

Người vay thứ năm: Nguyễn TK, sinh năm 1974, trú ấp LH, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Kiểu vay của T 02 dây vay:

* Dây vay thứ nhất loại 5.000.000 đồng, kỳ hạn 21 ngày, lãi suất 451,9%/năm:

Vay của T 1 lần với tổng số tiền vay là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Số tiền lãi T thu được là 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm ngàn đồng). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/ năm của khoản vay tương đương 57.534 đồng), thì T thu lợi bất chính tổng cộng số tiền 1.242.466 đồng. T thu 300.000 đồng tiền phí dịch vụ.

* Dây vay thứ hai loại 7.000.000 đồng, kỳ hạn 22 ngày, lãi suất 426,62%/năm:

- Những khoản vay đã trả xong:

Vay của T 1 lần với tổng số tiền vay là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Số tiền lãi T thu được là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm ngàn đồng). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm của khoản vay tương đương 84.384 đồng), thì T thu lợi bất chính số tiền 1.715.616 đồng. T thu 400.000 đồng tiền phí dịch vụ.

- Những khoản đang còn vay:

Vào ngày 14/10/2022 vay số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) trong thời hạn 21 ngày, mỗi ngày T thu của người vay cả gốc và lãi số tiền là 400.000

đồng (Bốn trăm ngàn đồng). Cho vay 7.000.000 đồng/22 ngày người vay phải trả số tiền là 8.800.000 đồng, T thu lãi số tiền là 1.800.000 đồng, phí dịch vụ 600.000 đồng. Kiều đã trả được 11 ngày tương ứng với số tiền 4.400.000 đồng (cả gốc và lãi), còn thiếu số tiền 4.400.000 đồng (cả gốc và lãi). Như vậy, đối với khoản vay này T đã thu được số tiền gốc là 3.500.000 đồng, số tiền lãi T thu được là 900.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/ năm của khoản vay tương đương 42.192 đồng), thì T thu lợi bất chính số tiền 857.808 đồng. T thu 400.000 đồng tiền phí dịch vụ.

Như vậy, Tổng số tiền Trần T cho Nguyễn TK vay là: 19.000.000 đồng, tiền lãi thu được là: 4.000.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm của khoản vay tương đương 184.110 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là: 3.815.890 đồng; Tiền phí dịch vụ là: 1.100.000 đồng. Tổng số tiền T thu nhập bất chính (số tiền thu lợi bất chính và tiền phí dịch vụ): 4.915.890 đồng (Bốn triệu chín trăm mười năm ngàn tám trăm chín mươi đồng).

Người vay thứ sáu: Nguyễn Thị ND, sinh năm 1989, trú kp TT, phường S, Tp L, tỉnh Đồng Nai vay của Trần T 01 dây vay loại 7.000.000 đồng, kỳ hạn 25 ngày, lãi suất 365%/năm:

- Những khoản vay đã trả xong:

Vay của T 02 lần với tổng số tiền 14.000.000 đồng. Số tiền lãi T thu được là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/ năm của khoản vay tương đương 191.780 đồng) thì T thu lợi bất chính số tiền 3.308.220 đồng. T thu 1.200.000 đồng tiền phí dịch vụ.

- Những khoản đang còn vay:

Vào ngày 15/11/2022 Diễm vay số tiền 7.000.000 đồng, thoả thuận trả tiền gốc và lãi trong vòng 25 ngày, tổng số tiền Diễm phải trả cho T là 8.750.000 đồng. T thu lãi số tiền là 1.750.000 đồng, phí dịch vụ 600.000 đồng. Diễm đã trả được 7 ngày tương ứng với số tiền 2.450.000 đồng (cả gốc và lãi), còn thiếu số tiền 5.250.000 đồng (cả gốc và lãi). Như vậy, đối với khoản vay này T đã thu được số tiền gốc là 1.960.000 đồng, số tiền lãi T thu được là 490.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/ năm của khoản vay tương đương 26.849 đồng), thì T thu lợi bất chính số tiền 463.151 đồng. T thu 600.000 đồng tiền phí dịch vụ.

Như vậy, Tổng số tiền Trần T cho Nguyễn Thị ND vay là: 21.000.000 đồng, tiền lãi thu được là 3.990.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm của khoản vay tương đương 218.629 đồng), số tiền T thu lợi bất chính là 3.771.371 đồng; Tổng tiền phí dịch vụ là: 1.800.000 đồng. Tổng số tiền T thu nhập bất chính (số tiền thu lợi bất chính và tiền phí dịch vụ) là 5,571,371 đồng (Năm triệu năm trăm bảy mươi một ngàn ba trăm bảy mươi một đồng).

Ngày 22/11/2022, Trần T đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Tiền

hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần T ở ấp LH, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai thu giữ 15 danh thiếp có nội dung cho vay – trả góp của Trần T.

Tại Bản cáo trạng số 71/CT-VKS-TN ngày 13/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đã truy tố bị cáo Trần T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất giữ nguyên quan điểm về nội dung vụ án, tội danh, khung hình phạt đã truy tố bị cáo. Về tình tiết tăng nặng, bị cáo không tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); về tình tiết giảm nhẹ quá trình điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Từ những lập luận trên, áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trần T mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về các biện pháp tư pháp:

- 01 điện thoại Apple iphone 11 màu xám (số máy NWKM2LL/LA, số seri: DNPCD1HNN72J) và 01 điện thoại nokia màu đen, cần tịch thu sung công; 15 tấm danh thiếp in thông tin cho vay của Trần T sử dụng vào mục đích phục vụ hành vi phạm tội, cần tịch thu, tiêu hủy.

- Về tổng số tiền Trần T đã sử dụng để cho vay 409.000.000 đồng (Bốn trăm lẻ chín triệu đồng); số tiền lãi được phép trong mức dân sự là: 4.471.223 đồng cần tịch thu sung công; Số tiền lãi Trần T thu lợi bất chính là 87.092.872 đồng và tiền phí dịch vụ: 28.800.000 đồng cần trả lại cho những người đã vay của Trần T. Hiện số tiền này chưa thu hồi được, đề nghị Tòa án tuyên Trần T có nghĩa vụ giao nộp đầy đủ để nộp công quỹ nhà nước và trả lại cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, bị cáo T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo không có ý kiến về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát vừa đề nghị đối với bị cáo và không có ý kiến, tranh luận gì khác.

Bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo som về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Thống Nhất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần T đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2022 đến ngày 22/11/2022, Trần T tiến hành phát danh thiếp nội dung cho người dân vay tiền với lãi suất cao trên địa bàn huyện Thống Nhất, T đã cho 06 người dân gồm chị Lê Thị KT, sinh năm 1997, trú tại ấp QL, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai; bà Nguyễn Thị KH, sinh năm 1974, trú tổ 4, ấp 2, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai; bà Châu Trần HU, sinh năm 1983, trú ấp ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; bà Nguyễn Thị TT, sinh năm 1978, trú ấp An Bình, xã Trung Hòa, Trảng Bom, Đồng Nai; bà Nguyễn TK, sinh năm 1974, trú ấp LH, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai; bà Nguyễn Thị ND, sinh năm 1989, trú kp Trung Tâm, phường Suối Tre, Tp Long Khánh, tỉnh Đồng Nai vay 47 lần với tổng số tiền cho vay là 409.000.000 đồng (Bốn trăm lẻ chín triệu đồng), qua đó tổng số tiền lãi thu được: 91.528.095 đồng (Chín mươi một triệu năm trăm hai mươi tám ngàn không trăm chín mươi năm đồng), Tiền phí dịch vụ: 28.800.000 đồng (Hai mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng). Sau khi trừ đi số tiền lãi được phép trong mức dân sự là: 4.471.223 đồng thì tổng số tiền T thu lợi bất chính là: 115.856.872 đồng (Một trăm mười năm triệu tám trăm năm mươi sáu ngàn tám trăm bảy mươi hai đồng). Lãi suất Trần T cho người dân vay từ 365%/năm đến 451,9%/năm, cao gấp 17,38 lần đến 22,6 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố bị cáo Trần T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Căn cứ quyết định hình phạt: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng, trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội địa phương, gây bức xúc trong dư luận

xã hội. Bị cáo là người đã thành niên nhận thức được hành vi của mình nhưng do lười lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài nên đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với lãi suất cao gấp 17,38 lần đến 22,6 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 để thu lợi bất chính nên cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo và đảm bảo công tác phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

[6] Về biện pháp tư pháp:

[6.1] Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự: 01 điện thoại Apple iphone 11 màu xám (số máy NWKM2LL/LA, số seri: DNPCD1HNN72J) và 01 điện thoại nokia màu đen bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã thu giữ cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[6.2] Đối với vật chứng là 15 tấm danh thiếp in thông tin cho vay của Trần T sử dụng vào mục đích phục vụ hành vi phạm tội cần tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

[6.3] Đối với số tiền 409.000.000 đồng (Bốn trăm lẻ chín triệu đồng) bị cáo sử dụng (tiền gốc) cho những người vay đây là phương tiện phạm tội những người vay đã trả cho bị cáo 378.221.905 đồng cùng khoản tiền lãi 4.471.223 đồng tương ứng với lãi suất 20%/năm (0,055%/ngày) là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, Hội đồng xét xử quyết định buộc bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Tổng số tiền buộc bị cáo phải nộp tịch thu sung quỹ Nhà nước là 382.693.128 đồng (Ba trăm tám mươi hai triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn một trăm hai mươi tám đồng).

[6.4] Đối với số tiền lãi 91.528.095 đồng (Chín mươi một triệu năm trăm hai mươi tám ngàn không trăm chín mươi năm đồng) thu được từ việc cho vay lãi nặng (khoản lãi vượt quá mức quy định 0,055%/ngày) và Tiền phí dịch vụ: 28.800.000 đồng (Hai mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng) đây là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính của người vay, Hội đồng xét xử quyết định buộc bị cáo phải trả lại cho người vay tiền là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

[6.4.1] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Lê Thị KT vay tiền: Bị cáo phải trả cho bà Trang số tiền 15.815.070 đồng.

[6.4.2] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Nguyễn Thị KH vay tiền: Bị cáo phải trả cho bà Huyền số tiền 19.494.521 đồng.

[6.4.3] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Châu Trần HU vay tiền: Bị cáo phải trả cho bà Uyên số tiền 46.478.154 đồng.

[6.4.4] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Nguyễn Thị TT vay tiền: Bị cáo phải trả cho bà Trang số tiền 23.581.866 đồng.

[6.4.5] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Nguyễn TK vay tiền: Bị cáo phải trả cho bà Kiều số tiền 4.915.890 đồng.

[6.4.6] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Nguyễn Thị ND vay tiền: Bị cáo phải trả cho bà Diễm số tiền 5.571.371 đồng.

Tuy nhiên, chị Lê Thị KT không yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 15.815.070 đồng, chị Nguyễn Thị TT không yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 23.581.866 đồng mà bị cáo đã thu lợi bất chính. Vì vậy, cần buộc bị cáo T nộp số tiền trên để sung quỹ Nhà nước.

[6.5] Đối với số tiền gốc người vay đã vay chưa trả cho bị cáo buộc những người vay phải nộp sung quỹ Nhà nước là 30.788.095 đồng, cụ thể:

[6.5.1] Bà Huyền phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 4.000.000 đồng.

[6.5.2] Bà Uyên phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 6.190.476 đồng.

[6.5.3] Bà Trang phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 12.047.619 đồng.

[6.5.4] Bà Kiều phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 3.500.000 đồng.

[6.5.5] Bà Diễm phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 5.040.000 đồng.

[7] Các vấn đề khác:

[7.1] Ngoài các bị hại đã xác định được, Trần T còn cho nhiều người vay khác có tên “Thường”, “Tiên”, “Thông”, “Uyên”, “Chương”, “Phúc”, “Hùng”, “Tuấn”, “Yên”, “Ba”, “Hương”, “Hạnh”, “Dung”, “Thiện”, “Thanh”, “Tâm”, “Phù”, “Thủy”, “Thịnh”, “Loan”, “Hằng”, “Tài”, “Trang”, “Loan”, “Diệu”, “Hiền bé”, “An”, “Hoa”, “Trí”, “Đạt”, “Rau”, “Hoa”, “Trường”, “Nga”, “Huệ”, “Moi”, “Út”, “Phương”, “Trọng” với thủ đoạn tương tự như trên, tuy nhiên do những người này không có địa chỉ rõ ràng, quá trình xác minh không xác định được lai lịch, địa chỉ các những người nói trên nên không đủ căn cứ xử lý.

[7.2] Đối với đối tượng có tên Lê Duy B, sử dụng số tài khoản 26868288888 ở ngân hàng Á Châu, trú tại thị trấn Quế, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, sử dụng số điện thoại 085 525 2882 có liên quan đến hành vi phạm tội của Trần T, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã quyết định ủy thác điều tra đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam nhưng đến nay chưa có kết quả, cần tách ra tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Trần T phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.822.996 (Ba triệu tám trăm hai mươi hai nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng) (76.459.936 đ x 5%) án phí dân sự sơ thẩm

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 201; khoản 1 Điều 46, Điều 47; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017);

- Khoản 2 Điều 106, Khoản 2 Điều 136, Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Các Điều 117, 122, 123, 131, 407, 357 và 468 Bộ luật Dân sự 2015;

[1] Tuyên bố bị cáo **Trần T** phạm tội **“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”**.

Xử phạt bị cáo Trần T 01(một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/11/2022.

Phạt bổ sung bị cáo Trần T phải nộp 30.000.000 đồng (ba mươi triệu) đồng sung quỹ nhà nước.

[2] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật TTHS năm 2015:

[2.1] Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại Apple iphone 11 màu xám (số máy NWKM2LL/LA, số seri: DNPCD1HNN72J) và 01 điện thoại nokia màu đen bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội.

Tịch thu lưu vào hồ sơ 15 (mười lăm) tấm danh thiếp in thông tin cho vay của Trần T sử dụng vào mục đích phục vụ hành vi phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất).

[2.2] Buộc bị cáo Trần T phải nộp số tiền 422.090.064 đồng (Bốn trăm hai mươi hai triệu không trăm chín mươi nghìn không trăm sáu mươi tư đồng) để sung quỹ Nhà nước.

[2.3] Buộc bị cáo Trần T có nghĩa vụ trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ thể như sau:

[2.3.1] Trả cho bà Nguyễn Thị KH số tiền 19.494.521 đồng (Mười chín triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi một đồng).

[2.3.2] Trả cho bà Châu Trần HU số tiền 46.478.154 đồng (Bốn mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn một trăm năm mươi bốn đồng).

[2.3.3] bà Nguyễn TK số tiền 4.915.890 đồng (Bốn triệu chín trăm mười lăm nghìn tám trăm chín mươi đồng).

[2.3.4] bà Nguyễn Thị ND số tiền 5.571.371 đồng (Năm triệu năm trăm bảy mươi một nghìn ba trăm bảy mươi một đồng).

[2.4] buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải nộp sung quỹ Nhà nước, cụ thể:

[2.4.1] Bà Nguyễn Thị KH phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

[2.4.2] Bà Châu Trần HU phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 6.190.476 đồng (Sáu triệu một trăm chín mươi nghìn bốn trăm bảy mươi sáu đồng).

[2.4.3] Bà Nguyễn Thị TT phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 12.047.619 đồng (Mười hai triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm mười chín đồng).

[2.4.4] Bà Nguyễn TK phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

[2.4.5] Bà Nguyễn Thị ND phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 5.040.000 đồng (Năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

[2.5] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Trần T phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.822.996 (Ba triệu tám trăm hai mươi hai nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

[5] Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tòa Phiên Tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai
- VKSND h. Thống Nhất;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Công an h. Thống Nhất;
- Chi cục THA h. Thống Nhất;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS.

Đặng Quang Phúc

